

A. TRẮC NGHIỆM

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

NHÂN BIẾT (11 CÂU)

CÁC BẰNG CHỨNG TIẾN HÓA

- Xác định được bằng chứng trực tiếp và bằng chứng gián tiếp của tiến hóa

Câu 1. Loại bằng chứng tiến hóa nào sau đây là bằng chứng trực tiếp?

- A.** Cơ quan thoái hóa. **B.** Giải phẫu học so sánh.
C. Hóa thạch. **D.** Tất cả các loại bằng chứng tiến hóa.

- Trình bày được các bằng chứng tiến hoá: bằng chứng giải phẫu so sánh, bằng chứng hoá thạch

Câu 2. Những đặc điểm giống nhau giữa các loài sinh vật do cùng thừa hưởng các gene từ tổ tiên chung được gọi là cơ quan

- A.** tương đồng. **B.** thoái hóa. **C.** tương tự. **D.** tiến hóa.

QUAN NIỆM CỦA DARWIN VỀ CHỌN LỌC TỰ NHIÊN VÀ HÌNH THÀNH LOÀI

- Nêu được phương pháp mà Darwin đã sử dụng để xây dựng học thuyết tiến hóa

Câu 3. Các bước nghiên cứu khoa học:

- I. Quan sát và thu thập dữ liệu.
II. Hình thành giả thuyết giải thích các dữ liệu quan sát được.
III. Kiểm chứng giả thuyết bằng thực nghiệm.

Quy trình nghiên cứu khoa học được Darwin sử dụng để hình thành học thuyết tiến hóa gồm các bước theo trình tự nào sau đây?

- A.** I → II → III.
B. II → I → III.
C. II → III → I.
D. III → II → I.

- Nắm được các khái niệm biến dị cá thể, chọn lọc tự nhiên, chọn lọc nhân tạo theo quan điểm của Darwin

Câu 4. Theo Darwin, biến dị cá thể là gì?

- A.** Là những biến đổi trên cơ thể sinh vật dưới tác động của ngoại cảnh và tập quán hoạt động.
B. Là những điểm khác biệt nhau giữa các cá thể có cùng bố mẹ.
C. Là những biến đổi trên cơ thể sinh vật phát sinh do đột biến.
D. Là những sai khác giữa các cá thể khác bố mẹ phát sinh do tổ hợp vật chất di truyền.

HỌC THUYẾT TIẾN HÓA TỔNG HỢP HIỆN ĐẠI

- Nêu được khái niệm tiến hóa nhỏ và xác định đơn vị của tiến hóa nhỏ (2 câu)

Câu 5. Quá trình tiến hóa nhỏ dẫn đến kết quả hình thành đơn vị phân loại nào sau đây?

- A.** Họ.
B. Giống.
C. Loài.
D. Lớp.

Câu 6. Cấp tổ chức nào sau đây là đơn vị của tiến hóa nhỏ?

- A.** Cá thể.
B. Quần thể.
C. Quần xã.

D. Hệ sinh thái.

- **Nêu tên và trình bày được các nhân tố tiến hóa (đột biến, phiêu bạt di truyền, dòng gene, chọn lọc tự nhiên, giao phối không ngẫu nhiên) – (2 câu)**

Câu 7. Theo thuyết tiến hóa tổng hợp, nhân tố nào sau đây **không** phải là nhân tố tiến hóa?

A. Dòng gene.

B. Đột biến.

C. Phiêu bạt di truyền.

D. Giao phối ngẫu nhiên.

Câu 8. Theo thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại, nhân tố tiến hóa nào sau đây có thể làm phong phú vốn gene của quần thể?

A. Phiêu bạt di truyền.

B. Chọn lọc tự nhiên.

C. Đột biến.

D. Giao phối không ngẫu nhiên.

TIẾN HÓA LỚN VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT SINH CHỦNG LOẠI

- **Phát biểu được khái niệm tiến hóa lớn**

Câu 9. Theo thuyết tiến hóa hiện đại, phát biểu nào sau đây **không** đúng về tiến hóa lớn?

A. Tiến hóa lớn làm thay đổi tần số allele và tần số kiểu gene của quần thể.

B. Tiến hóa lớn là quá trình hình thành loài và các đơn vị phân loại trên loài.

C. Tiến hóa lớn xảy ra trên quy mô lớn, thời gian địa chất rất dài.

D. Loài mới được hình thành ở tiến hóa lớn có nhiều điểm khác biệt đến mức có thể xếp vào những đơn vị trên loài.

- **Nắm được 3 giai đoạn phát sinh sự sống trên Trái Đất**

Câu 10. Quá trình phát sinh sự sống trên Trái Đất được chia thành những giai đoạn nào sau đây?

A. Tiến hóa hóa học, tiến hóa tiền sinh học, tiến hóa sinh học.

B. Tiến hóa hóa học, tiến hóa nhỏ, tiến hóa lớn.

C. Tiến hóa tiền sinh học, tiến hóa hóa học, tiến hóa lớn.

D. Tiến hóa tiền sinh học, tiến hóa sinh học, tiến hóa lớn.

- **Phát biểu được khái niệm môi trường sống của sinh vật**

Câu 11. Môi trường sống của sinh vật là gì?

A. Là tất cả các nhân tố bao quanh sinh vật có tác động gián tiếp đến sự tồn tại, sinh trưởng, phát triển và các hoạt động của sinh vật.

B. Là tất cả các nhân tố bao quanh sinh vật có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến sự tồn tại, sinh trưởng, phát triển và các hoạt động của sinh vật.

C. Là tất cả các nhân tố bao quanh sinh vật có tác động trực tiếp đến sự tồn tại, sinh trưởng, phát triển và các hoạt động của sinh vật.

D. Là tất cả các nhân tố bao quanh sinh vật có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến quá trình sinh sản của sinh vật.

HIỂU (4 CÂU)

CÁC BẰNG CHỨNG TIẾN HÓA

- **Xác định được bằng chứng trực tiếp và bằng chứng gián tiếp của tiến hóa qua ví dụ cụ thể**

Câu 12. Các trầm tích chứa Bộ ba thùy *Vietnamia douvillei* (Mansuy) ở vùng Nà Mạ có niên đại 470 - 443 triệu năm là bằng chứng tiến hóa nào sau đây?

A. Hóa thạch.

B. Tế bào học.

C. Giải phẫu so sánh.

D. Sinh học phân tử.

QUAN NIỆM CỦA DARWIN VỀ CHỌN LỌC TỰ NHIÊN VÀ HÌNH THÀNH LOÀI

- Hiểu được các khái niệm biến dị cá thể, chọn lọc tự nhiên, chọn lọc nhân tạo theo quan điểm của Darwin

Câu 13. Theo quan niệm Darwin, chọn lọc tự nhiên thực chất là

- A. phân hóa khả năng phát sinh biến dị của các kiểu gene trong quần thể.
- B. phân hóa khả năng di truyền biến dị của các kiểu gene trong quần thể.
- C. phân hóa khả năng sống sót và sinh sản của các cá thể trong quần thể.
- D. phân hóa khả năng sống sót và sinh sản của các cá thể với các kiểu gene khác nhau trong quần thể.

HỌC THUYẾT TIẾN HÓA TỔNG HỢP HIỆN ĐẠI

- Xác định được tác động, vai trò của các nhân tố tiến hóa (2 câu)

Câu 14. Những yếu tố nào sau đây làm thay đổi tần số allele và tần số kiểu gene của quần thể qua các thế hệ?

- I. Dòng gene.
 - II. Đột biến.
 - III. Chọn lọc tự nhiên.
 - IV. Giao phối ngẫu nhiên.
 - V. Phiêu bạt di truyền.
- A. I, II, III, IV.
 - B. I, II, IV, V.
 - C. I, II, III, V.
 - D. I, III, IV, V.

Câu 15. Phát biểu nào sau đây **sai** về vai trò của đột biến đối với quá trình tiến hóa?

- A. Đột biến gây biến đổi allele này thành allele khác.
- B. Đột biến cung cấp nguyên liệu thứ cấp cho quá trình tiến hóa.
- C. Đột biến làm phong phú vốn gene của quần thể.
- D. Đột biến làm thay đổi tần số allele và tần số kiểu gene của quần thể.

VẬN DỤNG (1 CÂU)

Xác định được nhân tố tiến hóa đã tác động đến quần thể qua ví dụ cụ thể

Câu 16. Nghiên cứu sự thay đổi thành phần kiểu gene ở một quần thể qua 5 thế hệ liên tiếp được kết quả

Thành phần kiểu gen	Thế hệ F ₁	Thế hệ F ₂	Thế hệ F ₃	Thế hệ F ₄	Thế hệ F ₅
AA	0,64	0,64	0,2	0,16	0,16
Aa	0,32	0,32	0,4	0,48	0,48
aa	0,04	0,04	0,4	0,36	0,36

Nhân tố tiến hóa nào sau đây gây nên sự thay đổi cấu trúc di truyền của quần thể ở thế hệ F₂ sang F₃?

- A. Giao phối ngẫu nhiên.
- B. Giao phối không ngẫu nhiên.
- C. Phiêu bạt di truyền.
- D. Chọn lọc tự nhiên.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM NHIỀU ĐÚNG – SAI (2 CÂU – 8 Ý HỎI)

PHẦN II. (2,0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

TIẾN HÓA LỚN VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT SINH CHỦNG LOẠI

Câu 1.

Nhận biết:

- Kết quả của các giai đoạn phát sinh sự sống trên Trái Đất (d)
- Trình tự các giai đoạn phát sinh sự sống trên Trái Đất. (b)

Thông hiểu

- Năm được thứ tự xuất hiện của: sinh vật nhân thực và sinh vật nhân sơ (a)

2. Xác định được thời điểm sự sống bắt đầu xuất hiện – [đại nào]. (c)

Câu 1. Trong quá trình phát sinh, phát triển sự sống trên Trái đất, mỗi nhận xét sau đây là đúng hay sai?

a) Sinh vật nhân thực được hình thành trước sinh vật nhân sơ.

b) Trình tự các giai đoạn phát sinh sự sống trên Trái đất là: tiến hóa hóa học → tiến hóa tiền sinh học → tiến hóa sinh học.

c) Trong quá trình phát triển của sinh vật qua các đại địa chất, sự sống bắt đầu xuất hiện ở Đại Thái cổ.

d) Kết quả của giai đoạn tiến hóa tiền sinh học là hình thành nên các tế bào sơ khai.

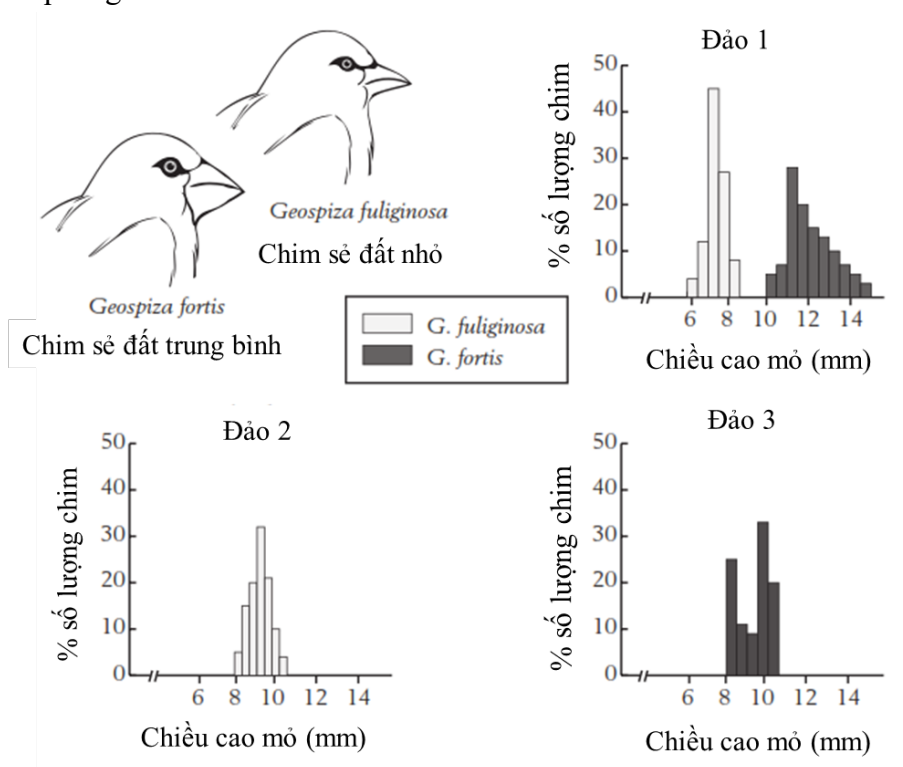
Câu 2.

HỌC THUYẾT TIẾN HÓA TỔNG HỢP HIỆN ĐẠI

Dựa vào hình ảnh và dữ liệu cho sẵn, xác định được các nhận định đúng sai khi nói về đặc điểm, sự phân hóa tính trạng của một đối tượng sinh vật trong các môi trường khác nhau.

Gồm 2 ý ở mức độ Hiểu (a,c) và 2 ý mức độ vận dụng (b,d)

Câu 2. Các nhà nghiên cứu đã đo chiều cao mỏ của loài chim sẻ đất (chi *Geospiza*) trên ba hòn đảo khác nhau. *Geospiza fuliginosa* sinh sống ở đảo 2, *G. fortis* sinh sống đảo 3 và cả hai loài đều sinh sống ở đảo 1. Biểu đồ bên dưới hiển thị kết quả nghiên cứu:



Mỗi nhận định sau đây là ĐÚNG hay SAI về kết quả nghiên cứu trên?

a) Chiều cao mỏ của *G. Fuliginosa* được tìm thấy ở đảo 2 là lớn nhất.

b) Các quần thể trên đảo 1 đã tiến hóa để chiếm giữ các vị trí khác nhau.

c) Chiều cao mỏ của *G. Fuliginosa* ở đảo 2 và loài *G. fortis* ở đảo 3 khác biệt không đáng kể.

d) Chiều cao mỏ của *G. fortis* được tìm thấy ở đảo 3 lớn hơn ở đảo 1.

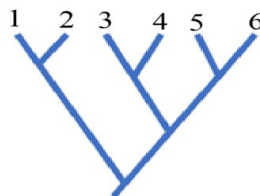
PHẦN III. TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN (4 CÂU)

TIẾN HÓA LỚN VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT SINH CHỦNG LOẠI

Thông hiểu:

- Dựa vào sơ đồ cây sự sống, trình bày được sinh giới có nguồn gốc chung

Câu 1. Trong cây phát sinh chủng loại ở hình 2, các chữ số đại diện cho các loài. Loài nào có quan hệ họ hàng gần gũi nhất với loài 3?



Hình 2

A. 4

HỌC THUYẾT TIẾN HÓA TỔNG HỢP HIỆN ĐẠI

Nhận biết: **Nắm được kiến thức về tiến hóa nhỏ**

Câu 2. Có bao nhiêu nội dung sau đây đúng khi nói về tiến hóa nhỏ?

- (1) Tiến hóa nhỏ xảy ra ở phạm vi quần thể.
- (2) Tiến hóa nhỏ là cơ sở dẫn tới hình thành loài mới.
- (3) Tiến hóa nhỏ làm thay đổi cấu trúc di truyền của quần thể qua các thế hệ.

A. 3

Thông hiểu: Xác định được số lượng NST của thể nhị lưỡng bội hữu thụ trong trường hợp cụ thể.

Câu 3. Cây cà khoai được hình thành từ quá trình lai xa và đa bội hóa giữa cây cà chua (*Solanum lycopersicum* L., $2n = 24$) và cây khoai tây (*Solanum tuberosum* L., $2n = 48$). Số nhiễm sắc thể của cây cà khoai sau khi đa bội hóa là bao nhiêu?

A. 72

Thông hiểu: Xác định được trường hợp gene đột biến gây hại bị chọn lọc tự nhiên loại bỏ nhanh nhất

Câu 4. Dưới tác động của chọn lọc tự nhiên, gene đột biến gây hại nào dưới đây có thể bị loại bỏ khỏi quần thể nhanh nhất?

1. Gene trội nằm trên nhiễm sắc thể thường.
2. Gene lặn nằm trên nhiễm sắc thể thường.
3. Gene lặn nằm trên đoạn tương đồng của nhiễm sắc thể giới tính X và Y.
4. Gene lặn nằm trên đoạn không tương đồng của nhiễm sắc thể giới tính X.

A. 1

A. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Phiên bản 1

CÁC BẢNG CHỨNG TIẾN HÓA

Nhận biết: Nêu một số bằng chứng phân tử, bằng chứng tế bào cho thấy mọi sinh vật đều có chung nguồn gốc. (ít nhất là 3)

Câu 1. (1,0 điểm)

Nêu một số bằng chứng phân tử cho thấy mọi sinh vật đều có chung nguồn gốc.

Câu	Nội dung	Điểm
1 (1,0 điểm)	- Vật chất di truyền của các tế bào đều là DNA. - Mã di truyền về cơ bản được dùng chung cho các loài. - Protein ở hầu hết các loài đều được cấu tạo từ 20 loại amino acid. - Các tế bào của mọi sinh vật đều có các thành phần phân tử hóa học cơ bản như nhau. (Học sinh nêu được từ 3 bằng chứng được điểm tối đa)	1,0

HỌC THUYẾT TIẾN HÓA TỔNG HỢP HIỆN ĐẠI

Câu 2. (2,0 điểm)

Vận dụng: Giải thích được vì sao các đặc điểm thích nghi chỉ mang tính hợp lý tương đối

Vì sao chọn lọc tự nhiên không thể tạo ra sinh vật thích nghi một cách hoàn hảo với nhiều điều kiện sống khác nhau?

Câu	Nội dung	Điểm
2 (2,0 điểm)	Chọn lọc tự nhiên không thể tạo ra sinh vật thích nghi một cách hoàn hảo với nhiều điều kiện sống khác nhau vì: - Điều kiện môi trường (tác nhân gây ra CLTN) chỉ lựa chọn các biến dị di truyền có sẵn của quần thể. (0,5) Vì vậy, CLTN chỉ có thể lựa chọn biến dị tốt nhất trong số những biến dị có sẵn (0,25). Biến dị được lựa chọn do vậy không hẳn là đã tối ưu. (0,25) - Đặc điểm thích nghi mang tính dung hòa vì một đặc điểm đem lại lợi ích này lại gây bất lợi khác. (0,5) - Một đặc điểm thích nghi chỉ có lợi trong môi trường này nhưng lại vô dụng hoặc có hại trong môi trường khác. (0,5)	2,0

Phiên bản 2

CÁC BẢNG CHỨNG TIẾN HÓA

Nhận biết: Nêu một số bằng chứng phân tử, bằng chứng tế bào cho thấy mọi sinh vật đều có chung nguồn gốc. (ít nhất là 3)

Câu 1. (1,0 điểm)

Nêu một số bằng chứng tế bào cho thấy mọi sinh vật đều có chung nguồn gốc.

Câu	Nội dung	Điểm
1 (1,0 điểm)	- Tất cả các sinh vật đều được cấu tạo từ một hoặc nhiều tế bào. (0,33) - Các tế bào đều có những đặc điểm cấu trúc giống nhau như màng tế bào, vùng nhân/nhân, tế bào chất. (0,33) - Các hoạt động chuyển hóa vật chất và năng lượng ở các tế bào cơ bản là giống nhau. (0,33)	1,0

Câu 2. (2,0 điểm)

Vận dụng: Giải thích được vì sao các đặc điểm thích nghi chỉ mang tính hợp lý tương đối

Vì sao chọn lọc tự nhiên không thể tạo ra sinh vật thích nghi một cách hoàn hảo với nhiều điều kiện sống khác nhau?

Câu	Nội dung	Điểm
2 (2,0 điểm)	Chọn lọc tự nhiên không thể tạo ra sinh vật thích nghi một cách hoàn hảo với nhiều điều kiện sống khác nhau vì: - Điều kiện môi trường (tác nhân gây ra CLTN) chỉ lựa chọn các biến dị di truyền có sẵn của quần thể. (0,5) Vì vậy, CLTN chỉ có thể lựa chọn biến dị tốt nhất trong số những biến dị có sẵn (0,25). Biến dị được lựa chọn do vậy không hẳn là đã tối ưu. (0,25) - Đặc điểm thích nghi mang tính dung hòa vì một đặc điểm đem lại lợi ích này lại gây bất lợi khác. (0,5) - Một đặc điểm thích nghi chỉ có lợi trong môi trường này nhưng lại vô dụng hoặc có hại trong môi trường khác. (0,5)	2,0

---HẾT---

Đề\câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	1a	1b	1c	1d	2a
000	C	A	A	B	C	B	D	C	A	A	B	A	C	C	B	C	S	D	D	D	D
101	D	B	A	A	C	C	A	C	A	C	B	C	D	D	D	D	D	S	D	D	D
102	D	D	A	B	C	C	A	B	B	B	D	B	A	C	C	B	D	D	D	S	D
103	C	A	B	C	A	D	A	D	C	A	A	A	D	C	B	B	D	D	S	D	D
104	C	A	D	A	A	C	B	A	D	B	D	B	A	B	D	B	D	D	D	S	D
105	C	C	B	A	C	B	C	D	C	B	D	B	B	D	C	D	S	D	D	D	D
106	A	D	D	D	C	C	A	A	B	B	B	C	A	D	B	A	D	D	D	S	D
107	A	B	D	C	D	D	A	D	A	A	C	B	A	B	D	D	D	D	S	D	S
108	A	B	D	D	A	B	C	D	C	B	A	A	C	C	A	A	S	D	D	D	D
109	A	C	D	C	B	B	B	D	C	C	C	A	D	C	A	C	S	D	D	D	D
110	C	A	A	B	B	D	B	B	C	B	C	B	B	B	B	C	S	D	D	D	D
111	B	B	D	C	D	C	A	B	B	C	D	A	C	B	B	A	D	S	D	D	D
112	A	B	B	B	A	C	C	A	B	A	A	A	B	A	D	B	S	D	D	D	S
113	D	D	B	D	C	D	A	C	C	B	B	C	D	A	A	C	D	D	D	S	D
114	A	B	B	A	C	D	D	D	B	B	A	A	B	C	D	C	D	S	D	D	D
115	A	C	D	C	A	D	B	D	C	D	B	B	A	B	C	C	D	S	D	D	S
116	C	D	C	C	B	D	A	D	A	B	C	B	B	A	D	A	D	D	S	D	S
117	A	D	B	D	D	A	D	A	A	C	A	D	D	D	C	B	D	S	D	D	S
118	B	A	D	B	D	A	B	B	A	D	C	A	D	B	C	A	D	S	D	D	D
119	C	C	B	B	A	A	D	D	D	B	C	D	A	D	B	C	S	D	D	D	D
120	C	A	C	B	B	B	D	A	A	A	C	B	B	C	A	A	S	D	D	D	D
121	C	D	B	C	B	C	D	B	D	D	A	A	C	A	D	D	D	S	D	D	S
122	A	C	C	B	A	B	A	A	D	C	C	A	C	D	C	A	D	S	D	D	D
123	B	B	B	A	C	C	A	C	D	A	B	A	D	B	A	D	D	S	D	D	D
124	C	A	D	D	D	C	C	D	C	C	D	B	C	C	A	C	D	D	D	S	S

2b	2c	2d	1	2	3	4
D	D	S	4	3	72	1
D	S	D	4	1	72	3
S	D	D	1	4	72	3
D	S	D	3	1	4	72
D	D	S	1	3	4	72
S	D	D	1	3	72	4
S	D	D	1	3	72	4
D	D	D	3	1	4	72
D	D	S	72	3	1	4
D	D	S	1	4	3	72
S	D	D	1	3	4	72
S	D	D	4	3	72	1
D	D	D	3	4	72	1
D	D	S	1	3	72	4
D	D	S	1	4	72	3
D	D	D	3	1	4	72
D	D	D	3	72	1	4
D	D	D	72	3	4	1
S	D	D	1	4	3	72
D	D	S	72	4	3	1
D	S	D	3	4	1	72
D	D	D	1	72	3	4
D	D	S	72	1	4	3
S	D	D	1	3	4	72
D	D	D	72	1	3	4

A. TRẮC NGHIỆM

Có file excel đính kèm

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Phiên bản 1: Các mã đề lẻ

CÁC BẢNG CHỨNG TIỀN HÓA

Câu 1. (1,0 điểm)

Nêu một số bằng chứng phân tử cho thấy mọi sinh vật đều có chung nguồn gốc.

Câu	Nội dung	Điểm
1 (1,0 điểm)	- Vật chất di truyền của các tế bào đều là DNA. - Mã di truyền về cơ bản được dùng chung cho các loài. - Protein ở hầu hết các loài đều được cấu tạo từ 20 loại amino acid. - Các tế bào của mọi sinh vật đều có các thành phần phân tử hóa học cơ bản như nhau. (Học sinh nêu được từ 3 bằng chứng được điểm tối đa)	1,0

Câu 2. (2,0 điểm)

Vì sao chọn lọc tự nhiên không thể tạo ra sinh vật thích nghi một cách hoàn hảo với nhiều điều kiện sống khác nhau?

Câu	Nội dung	Điểm
2 (2,0 điểm)	Chọn lọc tự nhiên không thể tạo ra sinh vật thích nghi một cách hoàn hảo với nhiều điều kiện sống khác nhau vì: - Điều kiện môi trường (tác nhân gây ra CLTN) chỉ lựa chọn các biến dị di truyền có sẵn của quần thể. (0,5)Vì vậy, CLTN chỉ có thể lựa chọn biến dị tốt nhất trong số những biến dị có sẵn (0,25). Biến dị được lựa chọn do vậy không hẳn là đã tối ưu. (0,25) - Đặc điểm thích nghi mang tính dung hòa vì một đặc điểm đem lại lợi ích này lại gây bất lợi khác. (0,5) - Một đặc điểm thích nghi chỉ có lợi trong môi trường này nhưng lại vô dụng hoặc có hại trong môi trường khác. (0,5)	2,0

Phiên bản 2: Các mã đề chẵn

Câu 1. (1,0 điểm)

Nêu một số bằng chứng tế bào cho thấy mọi sinh vật đều có chung nguồn gốc.

Câu	Nội dung	Điểm
1 (1,0 điểm)	- Tất cả các sinh vật đều được cấu tạo từ một hoặc nhiều tế bào. (0,33) - Các tế bào đều có những đặc điểm cấu trúc giống nhau như màng tế bào, vùng nhân/nhân, tế bào chất. (0,33) - Các hoạt động chuyển hóa vật chất và năng lượng ở các tế bào cơ bản là giống nhau. (0,33)	1,0

Câu 2. (2,0 điểm)

Vì sao chọn lọc tự nhiên không thể tạo ra sinh vật thích nghi một cách hoàn hảo với nhiều điều kiện sống khác nhau?

Câu	Nội dung	Điểm
2 (2,0 điểm)	Chọn lọc tự nhiên không thể tạo ra sinh vật thích nghi một cách hoàn hảo với nhiều điều kiện sống khác nhau vì: - Điều kiện môi trường (tác nhân gây ra CLTN) chỉ lựa chọn các biến dị di truyền có sẵn của quần thể. (0,5)Vì vậy, CLTN chỉ có thể lựa chọn biến dị tốt	2,0

	nhất trong số những biến dị có sẵn (0,25). Biến dị được lựa chọn do vậy không hẳn là đã tối ưu. (0,25) - Đặc điểm thích nghi mang tính dung hòa vì một đặc điểm đem lại lợi ích này lại gây bất lợi khác. (0,5) - Một đặc điểm thích nghi chỉ có lợi trong môi trường này nhưng lại vô dụng hoặc có hại trong môi trường khác. (0,5)	
--	--	--

---HẾT---

CẤU TRÚC

1. Mức độ đề: 40% nhận biết; 30% thông hiểu; 30% vận dụng.

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 ĐIỂM)

1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn: 1 lựa chọn đúng/đúng nhất: 16 câu = 4,0 điểm.
2. Trắc nghiệm dạng Đúng/Sai: 2 câu = 8 ý = 2,0 điểm.
3. Trắc nghiệm dạng trả lời ngắn: 4 câu = 1,0 điểm.

PHẦN II. TỰ LUẬN (3,0 ĐIỂM)

Tự luận: 2 câu = 3,0 điểm.

TT	Chương/	Nội dung/	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ	
	Chủ đề	Đơn vị kiến thức	TNKQ									Tự luận						% điểm	
			Nhiều lựa chọn			Đúng/Sai			Trả lời ngắn										
				B	H	VD	B	H	VD	B	H	VD	B	H	VD	B	H	VD	
Chủ đề 1. Bảng chứng và các học thuyết tiến hóa		Các bằng chứng tiến hóa	2	1								1			3	1	0	96,7%	
		Quan niệm của Darwin về chọn lọc tự nhiên và hình thành loài	2	1												2	1		0
		Học thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại	4	2	1			2	2	1	2				1	5	6		4

	Tiến hóa lớn và quá trình phát sinh chủng loại	2			2	2			1					4	3	0	
Chủ đề 2. Sinh thái học và môi trường	Môi trường và các nhân tố sinh thái	1												1	0	0	3,33%
	Tổng số câu	11	4	1	2	4	2	1	3	0	1	0	1	15	11	4	
	Tổng số điểm	2,75	1,0	0,25	2,0			0,25	0,75		1,0		2,0	5.5	2.75	1.75	
Tỉ lệ %		40%			20%			10%			30%						100%

---HẾT---

Bản đặc tả đề kiểm tra định kì

[illegible]

[illegible]

			của một đối tượng sinh vật trong các môi trường khác nhau. TL. Giải thích được vì sao các đặc điểm thích nghi chỉ mang tính hợp lý tương đối													1 câu
		Tiến hóa lớn và quá trình phát sinh chủng loại	Biết: - Phát biểu được khái niệm tiến hóa lớn. - Nắm được 3 giai đoạn phát sinh sự sống trên Trái Đất. - Kết quả của các giai đoạn phát sinh sự sống trên Trái Đất - Trình tự các giai đoạn phát sinh sự sống trên Trái Đất. Hiểu: - Nắm được thứ tự xuất hiện của: sinh vật nhân thực và sinh vật nhân sơ (a) - Xác định được thời điểm sự sống bắt đầu xuất hiện – [đại nào]. (c)	1 1			1	1								

			- Dựa vào sơ đồ cây sự sống, trình bày được sinh giới có nguồn gốc chung								1				
2	Chủ đề 2: Sinh thái học và môi trường	Môi trường và các nhân tố sinh thái	Biết: - Phát biểu được khái niệm môi trường sống của sinh vật	1											
Tổng số câu				11	4	1	2	4	2	1	3	0	1	0	1
Tổng số điểm				3,0			2,0			2,0			3,0		
Tỉ lệ %				30			20			20			30		

---HẾT---